

MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHOA HỌC KỸ THUẬT TRONG VIỆC CHỈ ĐẠO VỤ LÚA MÙA NĂM 1972

DƯƠNG HỒNG HIÊN

NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG CỦA VỤ LÚA MÙA NĂM 1972

Lúa mùa, nằm trong sản xuất toàn diện của vụ mùa, là cây trồng chiếm diện tích và sản lượng lớn nhất trong năm. Vụ lúa mùa năm 1972 chẳng những có tác dụng lớn trong việc hoàn thành kế hoạch năm 1972, mà còn có nhiệm vụ góp phần từng bước tạo biến đổi cách mạng về cơ cấu cây trồng trong từng vùng khác nhau, tạo điều kiện tốt cho vụ đông năm 1972 và cho cả năm 1973.

..

Nhìn lại vụ lúa mùa năm 1971 và các vụ mùa trước đây cho ta thấy : vụ lúa mùa tiến hành trong mùa nóng và trong mùa mưa có những thuận lợi cơ bản về lượng mưa và về nhiệt độ cho cây lúa mọc nhanh, mạnh để đạt năng suất cao. Nhưng cũng có những khó khăn do mưa to bão lớn gây úng lụt vào giữa vụ, hoặc do mưa thất thường gây hạn hay xảy ra đầu vụ và cuối vụ, hoặc do rét sớm gây lép hạt lúc lúa ra hoa mảy hạt, hoặc do sâu bệnh phá. Những khó khăn đó thường làm cho diện tích và năng suất lúa mùa chưa được ổn định.

Vì vậy, để đạt hai nhiệm vụ kể trên (hoàn thành kế hoạch năm 1972 và tạo điều kiện tốt cho các vụ sau), phương hướng của vụ lúa mùa năm 1972 là phải đánh dấu một bước tiến mới trong việc sản xuất ổn định hơn, cả về diện tích và năng suất ; đồng thời, phải mở đường cho sản xuất vụ đông năm 1972 được thuận lợi.

Đó là những phương hướng và cũng là

những yêu cầu mới đặt ra cho công tác khoa học kỹ thuật nói riêng, và cho việc chỉ đạo sản xuất lúa mùa nói chung.

Để đạt các yêu cầu đó, trên cơ sở phân tích đặc điểm của lúa mùa ở từng vùng khác nhau, phải giải quyết nhiều vấn đề về mặt khoa học kỹ thuật : vấn đề bố trí cơ cấu giống và thời vụ lúa mùa ở từng vùng ; vấn đề xác định các điều kiện làm các giống có năng suất cao như NN8, NN5 (nằm trong cơ cấu các giống lúa mùa chính vụ) ; vấn đề xác định các biện pháp toàn diện trong việc phòng, chống úng, hạn và sâu bệnh ; vấn đề tăng cường chỉ đạo thâm canh, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật.

Mỗi vấn đề kể trên đều có tác dụng góp phần đạt hai yêu cầu đã đề ra. Nếu thực hiện tốt hai yêu cầu đó sẽ đạt kết quả tổng hợp làm cho vụ lúa mùa năm 1972 đánh dấu được những bước tiến mới, góp phần rất quan trọng trong việc tiến lên giải quyết cơ bản vấn đề lương thực, và thay đổi cơ cấu cây trồng.

VẤN ĐỀ BỐ TRÍ CƠ CẤU GIỐNG LÚA MÙA VÀ THỜI VỤ CÁC GIỐNG LÚA MÙA Ở TỪNG VÙNG

Một kinh nghiệm lớn cần rút ra của vụ lúa mùa năm 1971, năm gặp nhiều khó khăn, và của các vụ mùa trước đây là : dùng giống lúa mùa gì, gieo cấy vào lúc nào, trên chân ruộng nào, là điều rất quan trọng để đạt năng suất cao, ổn định trong vụ mùa, và để chuẩn bị tốt cho vụ đông (tiếp sau vụ lúa mùa).

Bố trí giống và thời vụ lúa mùa cho đúng, thực chất là bố trí « thể sản xuất trên đồng ruộng », nhằm phát huy những thuận lợi cơ bản của vụ mùa, đồng thời có điều kiện tránh được những thiên tai thường xảy ra theo tính qui luật, hạn chế được tác hại của các thiên tai thất thường, góp phần rất quan trọng cho việc đạt năng suất ổn định và năng suất cao. Trong vụ lúa mùa năm 1971, có nhiều khó khăn đặc biệt như bão, úng, lụt nặng, cuối tháng 10 lại có ảnh hưởng của cơn bão số 15 gây mưa to, cộng với gió lạnh gây tỉ lệ hạt lép, hạt lửng rất cao. Thế nhưng, những trà lúa ra hoa vào cuối tháng 9 đầu tháng 10 vẫn đạt năng suất tương đối cao và ổn định ở vùng đồng bằng, trung du và Thanh-hóa. Nơi nào để lúa ra hoa vào cuối tháng 10 đều bị thất thu nặng. Được các vụ lúa mùa trước xác minh, và được khẳng định thêm trong vụ lúa mùa năm 1971, kết quả này được nâng lên thành một kết luận, làm cơ sở cho việc bố trí giống và thời vụ lúa mùa trong vùng này.

Việc bố trí giống và thời vụ lúa mùa cho đúng, cũng đồng thời là việc bố trí thể sản xuất trên đồng ruộng, nhằm làm được vụ đông trên những diện tích nhất định. Do đó mà tạo được biến đổi trong việc bố trí chế độ luân canh tăng vụ cả năm, tạo được biến đổi trong cơ cấu cây trồng cả năm trong từng vùng.

Đối với vụ « đông sớm », vào nửa đầu tháng 10 gồm các cây như khoai tây, lúa mì, ngô và khoai lang đông, thuốc lá đông, bông dài sợi v.v... cần phải có lúa mùa sớm thu hoạch vào cuối tháng 9 đầu tháng 10. Còn đối với vụ « đông muộn » gồm các cây như mạch hoa, rau đậu mùa rét v.v... thì có thể làm lúa mùa chính vụ thu hoạch vào đầu và giữa tháng 11. Nếu làm lúa mùa sớm quá ít thì không làm được nhiều diện tích vụ đông sớm trên đất trồng lúa. Nhưng cũng không nên trồng lúa mùa sớm quá nhiều, vì lúa mùa sớm cho năng suất không ổn định bằng lúa mùa chính vụ.

Theo kết quả nghiên cứu về khí tượng, về sinh lí và thời vụ gieo cấy đối với từng giống lúa mùa ở từng vùng, về sâu bệnh v.v... và theo những kinh nghiệm thực tế của nhiều vụ lúa mùa trên diện tích rộng (kể cả vụ lúa mùa năm 1971), thì việc xác định cơ cấu giống lúa mùa ở từng vùng phải có sự tính toán cụ thể, dựa vào những căn cứ chính sau đây:

— Thời kì lúa ra hoa và mẩy hạt tương đối an toàn ở từng vùng. Đây là căn cứ quan trọng bậc nhất, quyết định những giống lúa chiếm tỉ lệ diện tích cao nhất ở từng nơi (là những giống chính vụ ở nơi đó).

— Chế độ luân canh tăng vụ trong cả năm trên từng loại ruộng đất, tạo sự ăn khớp giữa vụ trước và vụ sau (tức là giữa vụ xuân và vụ mùa, và giữa vụ mùa và vụ đông).

— Đặc điểm của từng loại ruộng đất, bao gồm các điều kiện về nước, về chất đất v.v...

— Các điều kiện về nhân lực và về trình độ thâm canh ở từng hợp tác xã.

Vì vậy, việc tính toán và xác định cơ cấu giống lúa mùa phải xuất phát từ những điều kiện cụ thể của từng hợp tác xã và trên từng cánh đồng, rồi tổng hợp lại thành cơ cấu giống ở từng huyện, từng tỉnh. Tỉnh, huyện chỉ nên nêu ra những căn cứ để tính toán và phương pháp tính toán, hoặc nhiều nhất cũng chỉ nêu những cơ cấu hoặc tỉ lệ hướng dẫn cho từng trường hợp điển hình, không nên vận dụng các cơ cấu hoặc tỉ lệ đó một cách đồng loạt, máy móc.

Dưới đây xin nêu một số hướng dẫn có tính nguyên tắc, để vận dụng cho sát với từng vùng, từng hợp tác xã, từng cánh đồng.

1. Đối với vùng đồng bằng, trung du và Thanh-hóa.

Ở vùng này, thời kì cho lúa ra hoa tốt nhất (ngay cả trong năm 1971) là cuối tháng 9 và đầu tháng 10 (đến 15 tháng 10, chủ yếu là trước tiết Hàn lộ 8 tháng 10). Tức là sau thời kì mưa bão lớn, và trước khi có gió rét nặng. Đó là thời kì ra hoa của lúa đại trà, lúa chính vụ. Lúa mùa sớm, cho ra hoa vào cuối tháng 8 đầu tháng 9 cũng tương đối an toàn, nhưng nhìn chung nhiều năm thì không an toàn bằng lúa mùa chính vụ. Phải chú ý phòng trừ sâu bệnh, nhất là ở vùng miền biển hay có bão nặng. Lúa mùa muộn ở đây ra hoa vào cuối tháng 10, thường hay bị lép hạt vì gió rét cộng với mưa to (mưa rươi vào cuối tháng 10). Năm 1971 cũng như nhiều năm khác, đợt mưa rét vào cuối tháng 10 làm cho lúa trỗ muộn bị lép nặng, thất thu lớn. Vì vậy, lúa muộn ở đây nên hạn chế đến mức tối thiểu (trên ruộng trũng không thể cấy được lúa chính vụ, và đối với một số giống Tám hoặc Nếp muộn).

Căn cứ vào việc phân bố các « trà lúa » (sớm, chính vụ, muộn), như đã nêu trên đây, tỉ lệ mỗi trà và mỗi giống lúa phải tính toán theo các điều kiện cụ thể ở từng nơi, trên từng chân ruộng:

— Vùng có nhiều ruộng và làm hai vụ lúa ăn chắc.

Vùng này có nhiều điều kiện thâm canh. Phải phát huy các thuận lợi của vụ mùa và

của các điều kiện thâm canh đó, tăng cường thêm việc kiến thiết đồng ruộng, cải tạo đất, bón phân, phòng trừ sâu bệnh v.v..., tức là phải tăng cường các điều kiện thâm canh để phát huy đến mức cao nhất các giống có năng suất cao nhằm đạt 5 — 7 tấn thóc/ha/năm hoặc hơn nữa. Để bảo đảm làm vụ đông, ở đây cần tăng thêm tỉ lệ lúa mùa sớm làm trên chân ruộng sau này sẽ làm vụ đông sớm và đầu và giữa tháng 10.

— *Vùng có nhiều ruộng cao.*

Ở đây tỉ lệ lúa mùa sớm thường cao hơn các vùng khác: phải làm lúa mùa sớm trên chân ruộng hay bị hạn vào cuối vụ, và trên chân ruộng sẽ làm vụ đông. Đối với chân ruộng đất nhẹ không giữ được nước, cấy lúa bị bấp bênh, nơi có tập quán thì gieo thẳng, còn thì nên chuyển sang trồng cây chịu đất cạn.

— *Vùng có nhiều ruộng trũng.*

Việc phòng, chống úng ở đây là điều cơ bản nhất: phải kết hợp chặt chẽ các biện pháp thủy lợi và trồng trọt (bố trí giống và thời vụ) để giành chủ động hơn, có diện tích và năng suất ổn định hơn, như sẽ nói ở phần dưới.

2. Đối với vùng Nam liên khu IV cũ.

Vụ lúa mùa ở đây thường gặp nhiều khó khăn vì hạn và gió khô nóng đầu vụ và kéo dài, mưa bão lớn vào giữa và cuối vụ, tình chất lại gay gắt và thất thường hơn các vùng khác. Vì vậy, việc xác định thời kì cho lúa ra hoa an toàn khó hơn các vùng khác, và mức độ an toàn cũng không bằng các vùng khác.

Mùa mưa bão ở đây càng xuống vĩ tuyến thấp càng chậm lại, cho nên thời kì ra hoa tương đối an toàn của lúa mùa vào đầu và giữa tháng 10 đối với Nghệ-an, nửa cuối tháng 10 đối với Hà-tĩnh (chỉ chắc có 60%), cuối tháng 10 và 5 ngày đầu tháng 11 đối với Quảng-bình, Vĩnh-linh. Từ đó mà chọn các giống lúa thích hợp.

Đối với trà lúa sớm ở đây, ngoài lúa Bát cấy ở chân trũng phải thu hoạch trước cuối tháng 8, đầu tháng 9 để tránh mưa ngập, thì nên hạn chế trên chân ruộng cao thoát nước, cần phải làm lúa sớm để kịp làm vụ đông sớm (vì thường có mưa to vào tháng 9).

Đối với chân đất cao thường bị hạn nặng, thì làm lúa vãi (gieo thẳng vãi tung) bằng giống dài ngày, gieo sớm vào cuối tháng 4 đầu tháng 5, trên đất bỏ hóa vụ xuân và đất nặng. Trên chân đất nhẹ và đất trồng màu vụ xuân thì thực hiện làm hai vón: bắc mạ để cấy cho 25—30% diện tích, phần còn lại thì «trỉa» (tức

là gieo theo hàng kết hợp tăng cường bón phân, làm cỏ, xới xáo), dùng giống mùa chính vụ như Mộc-tuyền, Khê-nam.

3. Đối với vùng miền núi.

Đặc điểm của vùng này là hay bị hạn đầu vụ và cuối vụ. Riêng cuối vụ thì hạn lại cộng với rét sớm. Cho nên lúa mùa ở đây cần được gieo cấy và thu hoạch sớm hơn các vùng khác. Tỉ lệ lúa mùa sớm có khi chiếm đến 30—40% tổng diện tích lúa mùa. Giống lúa xuân ở đây thực sự là lúa mùa chính vụ ở vùng đồng bằng, trung du.

Vùng miền núi lại thường có sâu bệnh nặng. Có vùng cần đặc biệt chú ý phòng bệnh vàng lụi bằng cách dùng các giống thích hợp.

Về mặt cơ cấu cây trồng ở đây, thì vùng núi thấp giống như đồng bằng, trung du, nhưng có tỉ lệ lúa mùa sớm cao hơn, vì có nhiều chân ruộng hay bị hạn cuối vụ. Chân ruộng hai vụ ở đây đất tốt, nước đủ, có nhiều khả năng về phân xanh, phân chuồng, cần chú ý chống chua để phát huy các giống có năng suất cao.

Vùng núi trung bình (độ cao 100 — 200 m, nhiệt độ trung bình tháng 1 trên 13° đến 15°C, tháng 10 trên 22°C), là nơi cấy nhiều lúa xuân. Cần phải nghiên cứu bố trí lại chế độ luân canh giữa vụ đông, vụ xuân và vụ mùa cho thích hợp (tăng tỉ lệ các cây trồng cạn và giữ tỉ lệ lúa xuân cho thích hợp để không cản trở thời vụ lúa mùa). Trên cơ sở đó, bố trí các trà lúa mùa cho thích hợp: trà lúa sớm trên chân ruộng cao cần cho ra hoa chậm nhất là cuối tháng 8; trà lúa giữa cho ra hoa chủ yếu là cuối tháng 9, chậm nhất là mừng 5 tháng 10; trà muộn cấy bằng các giống Mộc-tuyền, Bao-thai; trên chân cấy đó, lúa xuân phải cấy muộn nhưng cũng phải cho ra hoa chậm nhất là 15 tháng 10.

Vùng núi cao (độ cao trên 250 m, nhiệt độ trung bình tháng 1 dưới 12°C), chủ yếu là trồng cây chịu rét (như lúa ml, mạch v.v...). Nơi có tập quán trồng lúa thì phải dùng các giống chịu rét của địa phương.

VẤN ĐỀ LÀM CÁC GIỐNG CÓ NĂNG SUẤT CAO (NHƯ NN5, NN8)

Vấn đề giống NN5, NN8 trong vụ mùa là một vấn đề thời sự. Trong vụ lúa mùa năm 1971, bên cạnh những nơi vẫn đạt năng suất cao 4 — 5 tấn/ha, có nhiều nơi bị thất thu nặng. Vậy chủ trương đối với NN5 và NN8 trong vụ mùa nên như thế nào? Qua phân

tích các nơi làm tốt so sánh với các nơi bị thất thu, kết hợp giữa kết quả nghiên cứu thí nghiệm với kết quả theo dõi trên sản xuất rộng, thấy rõ sự khác nhau giữa nơi được và nơi mất thường tập trung vào bốn điều kiện chủ yếu: thời vụ, chất đất, thủy lợi, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh.

— Về thời vụ: Những khó khăn của vụ mùa năm 1971 (úng, bão to và kéo dài, sâu bệnh nhiều v.v...) đã làm nổi bật đặc điểm của các giống lúa NN8, NN5 là phản ứng rất mạnh đối với các điều kiện dinh dưỡng, nhất là đối với giống NN5. Úng hay hạn, đất xấu, chăm bón không đúng, sâu bệnh v. v... đều tăng thêm thời gian sinh trưởng đến 20 — 30 ngày, và kéo dài cả thời gian ra hoa (có trường hợp thời gian từ bắt đầu đến kết thúc trổ bông kéo dài trên 20 ngày). Nếu chỉ tính riêng về phản ứng đối với nhiệt độ hoặc đối với chu kì ánh sáng thì không giải thích được điều đó.

Kết quả trong sản xuất là những nơi gieo cấy chậm, hoặc gặp điều kiện dinh dưỡng khó khăn, các giống NN5, NN8 trong vụ mùa năm 1971 bị kéo dài thời gian sinh trưởng, tập trung ra hoa vào cuối tháng 10, và bị lép lửng nặng. Trong điều kiện bố trí đúng chất đất, không bị úng hạn, chăm bón phòng trừ sâu bệnh tốt, thì ảnh hưởng của thời vụ gieo cấy rất lớn:

. Giống NN5 trong các điều kiện trên, cấy cuối tháng 6, đầu tháng 7, ra hoa vào thượng tuần tháng 10 cho năng suất 30 — 40 tạ/ha, ở nơi đạt 50 — 60 tạ/ha, ít nhất cũng đạt 23—25 tạ/ha. Cấy từ 15 đến 25 tháng 7 trung bình đạt có 15—17 tạ/ha, và cấy sau 25 tháng 7 thì hầu hết thất thu nặng vì ra hoa quá muộn vào cuối tháng 10, đầu tháng 11.

. Giống NN8 cấy trước 31 tháng 7 cho năng suất 35 — 45 tạ/ha và cấy sau 30 tháng 7, dù các điều kiện khác đều tốt cũng bị thất thu nặng vì ra hoa vào cuối tháng 10.

Cùng ra hoa vào cuối tháng 10, nhưng các giống Mộc-tuyền, Khê-nam bị lép hạt chỉ khoảng 30%, còn các giống NN5 và NN8 thì bị lép trên 60%, hoặc không thể trổ bông được.

— Đi đôi với việc gieo cấy đúng thời vụ, các giống NN5 và NN8 (nhất là NN5) đòi hỏi chất đất có nhiều mùn, ít chua, mặn (pH từ 5,5 đến 6,0 trở lên mới tốt); đòi hỏi nước bảo đảm (không bị úng, hạn) đòi hỏi bón nhiều phân hữu cơ (tỉ lệ đạm hữu cơ trong tổng số phân đạm được bón ít nhất 50%), phải bón cân đối NPK, không được bón đạm sau khi lúa đẻ nhánh và trước khi lúa làm đồng (kéo dài thời gian sinh trưởng); và đòi hỏi phòng trừ sâu bệnh tốt.

Từ những nhận xét trên đây cho phép chúng ta giải thích nguyên nhân thành công, thất bại của các giống NN5, NN8 trong vụ lúa mùa năm 1971 và trong các vụ trước. Hơn nữa, từ đó có thể đề ra bốn điều kiện cụ thể về thời vụ gieo cấy, chất đất, nước, chăm bón và phòng trừ sâu bệnh, đề tạo ra ngày càng đầy đủ hơn và đề bố trí các giống NN5, NN8 cho đúng ở từng hợp tác xã trên từng chân ruộng.

Từ đó cũng có thể rút ra nhiều kinh nghiệm trong việc đưa các giống mới có năng suất cao vào sản xuất nhằm đạt yêu cầu phát triển các giống trên một cách mạnh mẽ và vững chắc.

— Dùng các giống có năng suất cao là điều cần thiết, nhưng các giống này đều có những đòi hỏi khắt khe về các mặt thời vụ, chất đất, nước, cách chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Nơi có khả năng bảo đảm hoặc tạo ra các điều kiện đó mà không làm thì bị hụt năng suất và sản lượng. Nhưng, nơi không tạo đủ được các điều kiện đó thì kiên quyết không làm. Làm đến mức độ nào, phải tính toán cho sát với điều kiện từng nơi, trong đó điều kiện làm đúng thời vụ có tầm quan trọng đặc biệt.

— Vì các điều kiện sản xuất hiện nay còn phức tạp, chưa đồng đều, nên mỗi nơi cần có một bộ giống lúa mùa, gồm không nhiều giống lắm nhưng phải đủ để đáp ứng với thời vụ cấy sớm, muộn khác nhau, với chất đất, điều kiện nước, điều kiện chăm bón và phòng trừ sâu bệnh. Ngoài ra, có nơi còn cần làm một số giống Tám, nếp để xuất khẩu.

— Các giống đưa vào sản xuất đều dễ bị pha tạp, cho nên đồng thời với việc đưa một giống vào sản xuất thì phải chọn lọc, tuyển ra những hạt giống tốt, nằm trong một hệ thống sản xuất và nhân giống tốt từ trung ương xuống đến các cơ sở, bảo đảm luôn luôn có nguồn giống tốt cung cấp cho sản xuất.

VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP TOÀN DIỆN TRONG VIỆC PHÒNG CHỐNG ÚNG HẠN, SÂU BỆNH

Đề cho lúa mùa đạt năng suất ổn định và năng suất cao, thì vấn đề xác định các biện pháp toàn diện trong việc phòng chống úng hạn, sâu bệnh là rất quan trọng.

Trong vụ mùa năm 1972 phải sẵn sàng đối phó với cả hai mặt: thiên tai và địch họa. Trong tình hình cơ sở vật chất hiện nay, đề phòng chống úng, hạn có hiệu quả, phải có sự

ăn khớp chặt chẽ giữa biện pháp thủy lợi với các biện pháp trồng trọt. Cần căn cứ vào yêu cầu sản xuất để xây dựng các hệ thống thủy lợi lớn và nhỏ, cần có qui hoạch chống úng, hạn cụ thể cho từng vùng và chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện các qui hoạch đó. Về mặt trồng trọt, cần tính toán khả năng có thể chống úng, hạn trên từng cánh đồng. Căn cứ vào khả năng đó mà bố trí chế độ luân canh tăng vụ, định cơ cấu giống và định các biện pháp canh tác cho thích hợp, nhằm bảo đảm ăn chắc đến mức cao nhất.

— Đối với vùng ruộng trũng, cần phân biệt hai trường hợp rõ rệt :

● Trường hợp có khả năng chống úng tốt do đã khoanh vùng và có bờm, guồng, gàu, thì gieo cấy sớm (cấy xong trước 10 đến 15 tháng 7 ở vùng đồng bằng) để khi mưa úng thì lúa đã có đủ sức vùng lên.

● Trường hợp chưa có khả năng chống úng tốt thì kiên quyết gieo muộn, cấy muộn sau thời kì mưa úng nặng. Như vậy để tránh cấy tràn lan, tránh phải chống úng tràn lan, vừa tốn kém vừa đạt ít kết quả. Muốn vậy phải chú trọng có được mạ chống úng được để chuẩn bị đủ mạ qua thời kì mưa to. Trường hợp ruộng ngoài đê cũng cần dứt khoát gieo mạ dự trữ để cấy khi sau nước rút, không cấy trước mùa nước lớn.

— Đối với vùng hay bị hạn :

Vừa cần đẩy mạnh công tác thủy lợi để phòng chống hạn, vừa phải dự trữ nước từ đầu mùa mưa, lại vừa phải dùng giống và có biện pháp canh tác thích hợp. Dùng giống lúa sớm để tránh hạn cuối vụ. Dùng biện pháp gieo thẳng (gieo vãi hoặc trải thẳng hàng) và dùng giống chống hạn ở những nơi chưa giải quyết thủy lợi được tốt.

— Đối với việc phòng trừ sâu bệnh, cần nắm vững phương châm phòng là chính, và dùng các biện pháp tổng hợp là chính : làm đúng thời vụ, cải tạo đất, chăm bón đúng cách. Khi trừ sâu bệnh cũng phải đặc biệt chú ý kết hợp chặt chẽ các biện pháp canh tác như thay nước, tưới nước hoặc rút nước, sục bùn và bón thúc đúng lúc, đúng cách, đúng loại phân bón, kết hợp với việc phun thuốc phòng trừ. Cần triệt để trừ sâu bệnh từ lúc xử lí giống, và từ trên được mạ để cắt cái cầu mà sâu bệnh thường qua để chuyển từ vụ trước sang vụ sau, từ lúa sớm sang lúa chính vụ và lúa muộn. Đối với bệnh vàng lùn, dùng giống chống bệnh là một trong những biện pháp cơ bản. Cùng với các biện pháp trên, cần thấy rằng sâu bệnh trong vụ mùa có nhiều loại, nhiều lứa, hay xảy ra tình hình đột xuất.

Cho nên cần phải củng cố các cơ sở dự tính dự báo sâu bệnh, cần tổ chức phòng, trừ sâu bệnh và trang bị đầy đủ thuốc và bóm thuốc trừ sâu.

Trong vụ lúa mùa, các diễn biến về thời tiết và sâu bệnh vừa có tính qui luật lại vừa xảy ra tình hình đột xuất nghiêm trọng. Năm nay còn phải đề phòng trường hợp địch điền cuồng phá hoại. Cho nên cùng với kế hoạch thông thường, phải dự kiến tình hình xảy ra khó khăn lớn, và phải xây dựng thật cụ thể, chuẩn bị kĩ càng và chỉ đạo chặt chẽ các biện pháp nằm trong kế hoạch « số hai », phòng ngừa những đột xuất lớn.

VẤN ĐỀ TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO THÂM CANH VÀ XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ KỸ THUẬT

Đây là vấn đề có tính chất chiến lược, vì dù có khó khăn, hay tình hình xảy ra đột xuất, nhưng những nơi có một trình độ thâm canh nhất định vẫn giành được thể chủ động, vẫn bảo đảm đạt được năng suất ổn định và năng suất cao.

Theo tinh thần nghị quyết hội nghị lần thứ 19 của Ban chấp hành trung ương Đảng chỉ đạo thâm canh tức là xây dựng từng bước các vùng thâm canh và chuyên canh tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy, từ vụ mùa năm 1972 trở đi, việc chỉ đạo sản xuất nông nghiệp phải đánh dấu những tiến bộ mới : chỉ đạo theo vùng thâm canh và chuyên canh, tiến lên chỉ đạo theo qui hoạch từng vùng. Riêng đối với các vùng lúa, phải chia làm ba loại để có những chủ trương biện pháp và cơ sở vật chất và kĩ thuật thích hợp với từng loại.

— Loại vùng lúa có khả năng đạt 5 — 7 tấn/ha/năm hoặc hơn nữa. Đây là những vùng có nhiều ruộng hai vụ ăn chắc, mỗi huyện đều có vùng này và mỗi hợp tác xã cũng có chân ruộng này. Phải hoàn chỉnh thủy lợi (xây dựng đồng ruộng) và cải tạo đất, tăng cường bón phân, phòng trừ sâu bệnh, trên cơ sở đó mà phát huy cao độ các giống có năng suất cao, tạo thành những vùng, những cánh đồng sản xuất chủ lực.

— Loại vùng lúa có khả năng phấn đấu đạt 5 tấn/ha/năm. Loại này, các cơ sở vật chất chưa vững chắc, nhất là về mặt thủy lợi và cải tạo đất. Phải tập trung giải quyết các vấn đề này để đưa dần lên loại trên, trước mắt là phát huy các khả năng hiện có để đưa lên 5 tấn/ha/năm.

— Loại vùng lúa năng suất còn thấp bấp bênh, phần lớn do bị hạn, bị úng, nhiều nơi đất xấu, bình quân diện tích ruộng đất cao. Ở đây phải có kế hoạch cải tạo từng cánh đồng, đưa từng bước lên năng suất ổn định, rồi đưa lên năng suất cao. Nơi chưa cải tạo được đồng ruộng, phải bố trí giống và thời vụ, và có các biện pháp canh tác thích hợp (như đã ghi ở phần trên).

Từ việc phân loại từng vùng nhỏ trong từng tỉnh, huyện, và từ việc phân loại từng cánh đồng trong từng hợp tác xã, cần có qui hoạch 1 — 2 năm để xây dựng các cơ sở vật chất và kĩ thuật cho thích hợp với từng bước đi ở từng nơi; làm một cách có kế hoạch, có trọng điểm, dứt điểm từng vùng, từng cánh đồng một cách đồng bộ để có hiệu quả kinh tế lớn. Trên cơ sở đó, mà đề ra nội dung và mức độ cụ thể về các cơ sở vật chất và kĩ thuật phải xây dựng, chú trọng các cơ sở vật chất về nước, phân, giống, phòng trừ sâu bệnh và công cụ, trang bị, thiết bị. Trong hai hoặc ba vụ cần thiết và có khả năng: phải đạt mức có những cơ sở vật chất và kĩ thuật tối thiểu ở từng đơn vị sản xuất. Trong các cơ sở vật chất và kĩ thuật cho từng vùng trồng lúa, điều cần nhấn mạnh là việc ổn định, cải tạo vùng mạ đạt tiêu chuẩn thâm canh, và việc chỉ đạo chặt chẽ khâu mạ, là một trong những vấn đề rất cơ bản, rất cấp thiết. Đồng thời, mỗi loại cơ sở vật chất khác như nước, phân, giống, phòng trừ sâu bệnh, công cụ v.v... đều phải cử người chuyên trách bảo quản, sử dụng và đều phải có chế độ sử dụng cho hợp lí. Những người chuyên trách hoặc bán chuyên trách ở từng hợp tác xã, từng nông trường về nước, giống, phân, phòng trừ sâu bệnh, công cụ v.v... là những người được huấn luyện, bồi dưỡng để nắm vững kĩ thuật và quản lí về các mặt này. Đó là những « chân rết » rất cần thiết của từng hệ thống

mạng lưới chuyên đề từ trung ương xuống đến từng đơn vị.

Tóm lại, những vấn đề kể trên đều có liên quan mật thiết với nhau. Mỗi vấn đề đều có hiệu lực về từng mặt trong toàn bộ vấn đề phức tạp là đưa năng suất chung của vụ lúa mùa lên cao và ổn định. Kết quả của sản xuất là kết quả tổng hợp của việc giải quyết các vấn đề khoa học kĩ thuật kể trên, kết hợp với việc giải quyết các vấn đề khác về các mặt tư tưởng và quản lí.

Hiệu lực của các giải pháp đó nhiều hay ít, không những do từng giải pháp thực hiện được đến mức nào, mà còn do các giải pháp đề ra có sát với từng vùng, từng đơn vị, từng cánh đồng hay không, và do các giải pháp đó có được thực hiện đồng bộ hay không. Làm được việc này hồng việc khác, hoặc đề ra các giải pháp không sát đúng với từng nơi từng lúc, thường là những nguyên nhân chủ yếu làm cho bị lỡ thời vụ, hụt diện tích, giảm năng suất dẫn đến làm ảm đạm mà hiệu suất kém, diện tích và năng suất đều không ổn định. Vì vậy, trong việc chỉ đạo vụ lúa mùa năm 1972, muốn có những tiến bộ mới, khác những vụ lúa mùa trước, cần làm cho các cấp, các ngành và nhất là từng cơ sở sản xuất hiểu rõ tính chất của vụ lúa mùa, những thuận lợi và khó khăn, các vấn đề cần giải quyết và biết cách giải quyết các vấn đề đó một cách toàn diện, đồng bộ và sát đúng với từng nơi. Trong quá trình thực hiện vụ mùa, còn cần tăng cường kiểm tra, rà lại các biện pháp theo các yêu cầu trên, và có chủ trương giải pháp sát đúng với diễn biến của tình hình, nhất là đối với các diễn biến đột xuất lớn.